

Số: 15/BC-BKTNS

Kbang, ngày 16 tháng 9 năm 2025

## BÁO CÁO

### Thẩm tra tờ trình, dự thảo Nghị quyết về việc quyết định tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Kbang

Thực hiện phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã tại Công văn số 67/CV-TTHĐND ngày 10/9/2025 về việc phân công thẩm tra nội dung Tờ trình kèm theo dự thảo Nghị quyết do UBND xã trình. Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã đã tổ chức thẩm tra nội dung các Tờ trình kèm theo dự thảo Nghị quyết do UBND xã trình. Trên cơ sở xem xét nội dung Tờ trình về việc tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Kbang sau sắp xếp đơn vị hành chính kèm theo dự thảo Nghị quyết do UBND xã trình (theo Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 08/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã)<sup>1</sup> và các tài liệu có liên quan. Qua ý kiến thảo luận của Ủy viên Ban, đại biểu dự họp, giải trình của các cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân xã giao xây dựng dự thảo Nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ điểm c, khoản 4, Điều 7<sup>2</sup> Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ về quy định phân cấp thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; khoản 3, Điều 88 Luật đầu tư công năm 2024<sup>3</sup>; việc Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 có cơ sở pháp lý và thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân xã.

<sup>1</sup> Hồ sơ Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã, gồm: (1) Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 08/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã "về việc tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Kbang (Kèm theo 03 phụ lục). (2) Dự thảo Nghị quyết " về việc tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Kbang (Kèm theo 03 phụ lục).

<sup>2</sup> Điểm c, khoản 4, Điều 7 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ về quy định phân cấp thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính quy định: Đối với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 của ngân sách cấp xã theo quy định tại Khoản 9 Điều 59, Khoản 7 Điều 60, Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư công: Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi sắp xếp thực hiện tiếp nhận toàn bộ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của các xã trước khi sắp xếp; trường hợp phân chia địa giới xã trước khi sắp xếp về nhiều xã khác nhau sau khi sắp xếp dẫn đến không xác định được Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của xã trước khi sắp xếp.

<sup>3</sup> Khoản 3, Điều 88 Luật đầu tư công năm 2024 quy định về nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương; bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.

## 2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

2.1. Căn cứ Khoản 3 Điều 88 Luật đầu tư công năm 2024 quy định về nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: “*Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương; bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu*”; đề nghị bổ sung cụm từ “quyết định” vào tiêu đề của Nghị quyết và Điều 2 của dự thảo Nghị quyết<sup>4</sup>.

2.2. Căn cứ Khoản 4 Điều 90 Luật đầu tư công năm 2024 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã: “*Quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Luật này, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất*”; đề nghị bổ sung tại Khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết cụm từ “**định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân xã theo quy định**”

## 3. Kiến nghị

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, trình Hội đồng nhân dân xã đảm bảo theo quy định; đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân xã tiếp tục chỉ đạo rà soát, bổ sung đầy đủ các hạng mục còn thiếu, báo cáo Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch theo đúng thẩm quyền.

## 4. Kết luận

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã thống nhất đề nghị Hội đồng nhân dân xã khóa I, Kỳ họp thứ Ba xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025 xã Kbang sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

Trên đây là báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về việc quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của xã Kbang sau sắp xếp đơn vị hành chính, Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân xã khóa I, Kỳ họp thứ Ba xem xét, quyết định./.

### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TT.HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban VHXH HĐND xã;
- Lãnh đạo phòng Kinh tế xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT, BKTNS.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN



Huỳnh Thị Hà Giang

<sup>4</sup> “Nghị quyết về việc tiếp nhận, quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Kbang; Quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025”.



**PHI LỤC SỐ 01**  
**DANH MỤC NGHỊ QUYẾT GIAO ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH**  
**ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025**

(Kèm theo báo cáo số 15/BC-BKTNS ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã)

S TT	Số, ngày, tháng, năm	Tên Nghị quyết	Ghi chú
<b>I</b>	<b>UBND XÃ LƠ KU (TRƯỚC KHI SẮP XẾP)</b>		
1	21/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của HĐND xã Lơ Ku	V/v thông qua danh mục công trình đầu tư xây dựng thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã năm 2025	
2	04/NQ-HĐND ngày 01/4/2025 của HĐND xã Lơ Ku	V/v thống nhất danh mục công trình đầu tư thực hiện chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông trên địa bàn xã năm 2025	
<b>II</b>	<b>UBND XÃ ĐĂKSMAR (TRƯỚC KHI SẮP XẾP)</b>		
1	81/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của HĐND xã Đăksmar	V/v phân bổ kế hoạch vốn đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025	
<b>III</b>	<b>UBND THỊ TRẤN KBANG (TRƯỚC KHI SẮP XẾP)</b>		
1	88/NQ-HĐND ngày 22/4/2025 của HĐND thị trấn Kbang	V/v phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách nhà nước thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025	



(Kèm theo báo cáo về Kế hoạch KTNS ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Ban Kinh tế-Ngân sách HĐND xã)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Số quyết định; ngày/tháng/năm ban hành	Kế hoạch năm 2025										Đầu mối giao kế hoạch	Đầu mối rà soát hoạch định chính	Chi chi		
			TMBT	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách Xã	Vốn huy động các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Vốn huy động					
1	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20
A			5.382,094	2.232,000	2.248,000	0,000	0,000	842,094	5.382,094	2.232,000	2.248,000	0,000	0,000	842,094			
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sân xuất, nước sinh hoạt		3.130,094	40,000	2.248,000	0,000	0,000	842,094	3.130,094	40,000	2.248,000	0,000	0,000	842,094			
1	Hỗ trợ đất ở		660,000	0,000	660,000	0,000	0,000	0,000	660,000	0,000	660,000	0,000	0,000	0,000			
-	Dự án 1: Hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo	45/QĐ-UBND ngày 5/5/2025	660,000		660,000				660,000		660,000						
2	Hỗ trợ nhà ở		2.470,094	40,000	1.588,000	0,000	0,000	842,094	2.470,094	40,000	1.588,000	0,000	0,000	842,094		Xã Đắk Smer	
2.1	Thị trấn Kbang		308,0	0,0	308,0	0,0	0,0	0,0	308,0	0,0	308,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Thị trấn Kbang	
-	Nhà ở cho hộ nghèo (Gia đình: Đinh Vương, Đinh Lâm) thuộc Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2025	198/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	88,0		88,0				88,0		88,0						
-	Nhà ở cho hộ nghèo thuộc Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2025	236/QĐ-UBND ngày 09/05/2025	220,0		220,0				220,0		220,0						
2.2	Xã Đắk Smer		1.223,418		660,000	0,000	0,000	563,418	1.223,418	0,000	660,000	0,000	0,000	563,418		Xã Đắk Smer	
-	Dự án 1: Nhà ở cho hộ nghèo xã Dak Smer	80/QĐ-UBND ngày 26/07/2024	237,318		132,000			105,318	237,318		132,000			105,318			
-	Dự án 1: Nhà ở cho hộ nghèo xã Dak Smer	131/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	79,100		44,000			35,100	79,100		44,000			35,100			
-	Dự án 1: Nhà ở cho hộ nghèo xã Dak Smer	24/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	907,000		484,000			423,000	907,000		484,000			423,000			
2.3	Xã Lơ Ku		938,676	40,000	620,000	0,000	0,000	278,676	938,676	40,000	620,000	0,000	0,000	278,676		Xã Lơ Ku	
1.1	Hỗ trợ đất ở cho hộ gia đình ông Đinh Văn Mới	Số 128/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	44,0	40,0	4,0			44,0	40,0	40,0	4,0						
1.2	Nhà ở cho hộ nghèo xã Lơ Ku	Số 31/QĐ-UBND ngày 28/2/2025	718,676		440,0			278,676	718,676		440,0			278,676			
1.3	Đất ở cho hộ nghèo xã Lơ Ku	Số 76/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	176,0		176,0			176,0	176,0	0,0	176,0						
II	Dự án 1: Hỗ trợ cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, kinh doanh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực điện lực		2.252,0	2.252,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2.252,0	2.252,0	0,0						
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng lợp	2418/QĐ-UBND ngày 15/8/2025	1.200,0	1.200,0					1.200,0	1.200,0							
2	Hệ thống thoát nước thị trấn Kbang	271/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	1.052,0	1.052,0					1.052,0	1.052,0							







**PHỤ LỤC SỐ 03**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA XÃ KBANG**  
(Kèm theo báo cáo số 15 /BC-BKTT/Số 9 năm 2025 của Ban Kinh - Tế ngân sách HĐND xã)

DVT: Triệu đồng

S TT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2025 xã Lơ Ku (trước sắp xếp)	Kế hoạch năm 2025 xã Đăksmar (trước sắp xếp)	Kế hoạch năm 2025 thị trấn Kbang (trước sắp xếp)	Kế hoạch năm 2025 xã Kbang (mới)	Ghi chú
1	2	3	4		5=3+4	6
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.206,301</b>	<b>2.745,100</b>	<b>3.787,000</b>	<b>9.738,401</b>	
<b>I</b>	<b>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>1.618,000</b>	<b>1.489,000</b>	<b>2.252,000</b>	<b>5.359,000</b>	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.050,000		2.252,000	3.302,000	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	568,000	1.489,000		2.057,000	
<b>II</b>	<b>NGÂN SÁCH TỈNH</b>	<b>673,000</b>	<b>1.144,000</b>	<b>829,000</b>	<b>2.646,000</b>	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		1.144,000	308,000	1.452,000	
2	Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương theo nghị quyết 280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	673,000		521,000	1.194,000	
<b>III</b>	<b>NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>441,000</b>	<b>-</b>	<b>368,000</b>	<b>809,000</b>	
1	Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương theo nghị quyết 280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	441,000		368,000	809,000	
<b>IV</b>	<b>NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>401,152</b>	<b>-</b>		<b>401,152</b>	
1	Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương theo nghị quyết 280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	401,152			401,152	
<b>V</b>	<b>VỐN HUY ĐỘNG</b>	<b>73,149</b>	<b>112,100</b>	<b>338,000</b>	<b>523,249</b>	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				-	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	22,72	112,100		134,820	
3	Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương theo Nghị quyết 280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	50,429		338,000	388,429	

